

**BÁO CÁO**

V/v Nguyên nhân giảm trên 10% lợi nhuận sau thuế Quý II/2019 so Quý II/2018

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ mục a khoản 4 Điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Kiên Giang báo cáo kết quả kinh doanh quý II/2019 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Quý II/2019	Quý II/2018	So sánh	
					Quý II/2019 so Quý II/2018	
					Tỷ lệ (%)	Giá trị
1	Sản lượng tiêu thụ					
1.1	Gạo	tấn	82.460,84	63.479,54	129,90	18.921,30
a	Xuất khẩu	tấn	33.154,36	42.293,68	78,39	(9) (19,32)
	+ Thành phẩm	tấn	33.154,36	42.293,68	78,39	(9) (19,32)
b	Nội địa	tấn	49.306,48	21.185,86	232,73	28.120,62
	+ Thành phẩm	tấn	47.351,29	19.482,26	243,05	27.863,03
	+ Phụ phẩm	tấn	1.955,19	1.703,60	114,77	251,59
1.2	Xăng dầu	m3	5.865,94	6.754,47	86,85	(888,54)
1.3	Cá cơm các loại	tấn	98,20	103,70	94,69	(5,51)
	+ Xuất khẩu	tấn	64,18	82,54	77,76	(18,36)
	+ Nội địa	tấn	34,02	21,16	160,75	12,86
2	Doanh thu thuần	tr.đ	835.068	848.820	98,38	(13.752)
3	Giá vốn hàng bán	"	805.020	774.723	103,91	30.297
4	Lãi gộp	"	30.048	74.097	40,55	(44.049)
5	DT hoạt động TC	"	1.231	2.673	46,04	(1.442)
6	CP tài chính, trong đó:	"	11.456	13.696	83,64	(2.240)
	- CP lãi vay, trong đó:	"	7.684	8.590	89,45	(906)
	+ Đơn giá CP ngành Lương thực	đ/kg	129,33	203,85	63,44	(75)
7	CP bán hàng, trong đó:	"	17.711	58.780	30,13	(41.068)
	+ Đơn giá CP ngành Lương thực	đ/kg	193,91	459,94	42,16	(266)
8	CP Quản lý, trong đó:	tr.đ	1.956	(79)		2.035
9	LN thuần từ HĐKD	"	154	4.372	3,52	(4.218)
10	Thu nhập khác	"	38	291	12,92	(253)
11	Chi phí khác	"	0	1	0,00	(1)
12	Lợi nhuận khác	"	38	290	12,96	(253)
13	Tổng LN trước thuế	"	192	4.663	4,11	(4.471)
14	Chi phí thuế TNDN	"	103	1.258	8,22	(1.155)
15	LN sau thuế TNDN	"	88	3.405	2,60	(3.316)

**Thuyết minh:** Đánh giá chung: Lợi nhuận sau thuế quý II/2019 lãi 0,088 tỷ đồng, giảm 97,4% so quý II/2018 ( mức giảm 3.316,14 tỷ đồng). Nguyên nhân lợi nhuận quý II/2019 giảm so cùng kỳ chủ yếu do:

1. Sản lượng gạo tiêu thụ là 82.460,84 tấn, tăng 19.981,3 tấn so Quý II/2018 trong đó sản lượng gạo xuất khẩu là 33.154,36 tấn gạo các loại, giảm 21,61% so cùng kỳ (mức giảm 9.139,32 tấn) trong khi tỷ lệ lợi nhuận của công ty từ gạo xuất khẩu là chủ yếu.

2. Thị trường xuất khẩu gạo 06 tháng đầu năm 2019 khó khăn, cụ thể: (1) Nhu cầu và thị trường gạo những tháng đầu năm 2019 rất yếu, ngoại trừ thị trường Philippines, các thị trường nhập khẩu gạo lớn, truyền thống như Trung Quốc, Indonesia và Bangladesh đều đồng loạt giảm nhập khẩu trong nửa đầu năm 2019, (2) Sự cạnh tranh giành khách hàng của các Nhà xuất khẩu đẩy giá giao dịch xuống thấp để bán được hàng, (3) Một số thị trường tập trung của Việt Nam chưa có kế hoạch mua trong 06 tháng đầu năm 2019, (4) Một số khách hàng truyền thống của Công ty tiêu thụ chậm lại do còn tồn kho nhiều.

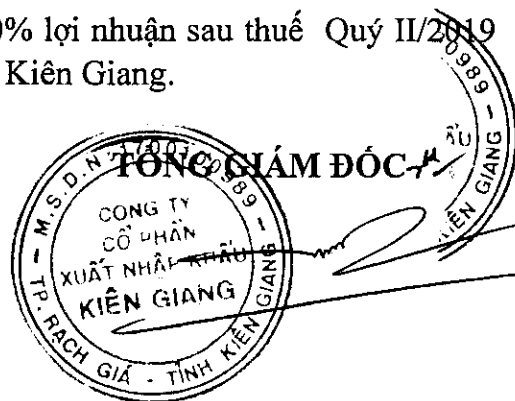
3. Công tác quản lý chi phí sản xuất kinh doanh của công ty trong quý II/2019 được kiểm soát tốt, cụ thể: tổng đơn giá chi phí sản xuất kinh doanh của ngành lương thực thực hiện quý II/2019 là 372,18 đ/kg, giảm 47,04% tương đương mức giảm 331,18 đ/kg so cùng kỳ. Trong đó: đơn giá chi phí bán hàng thực hiện quý II/2019 là 193,91 đ/kg, giảm 266,03 đ/kg so cùng kỳ; đơn giá chi phí tài chính thực hiện là 129,33 đ/kg, giảm 74,52 đ/kg so cùng kỳ.

Trên đây là báo cáo nguyên nhân giảm trên 10% lợi nhuận sau thuế Quý II/2019 so Quý II/2018 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Trân trọng!

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu VT.



*Dương Thị Khanh Nguyệt*